

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11/01/2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thế Nam

2/ Bà Lương Thị Như Nga.

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Thành, cán bộ TAND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 658/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Tổ 13A, khu phố R, phường B, thành phố L tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trường T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Tổ 13A, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/11/2020 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Trường T chung sống với nhau vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn, hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Cuộc sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị A, anh T không hợp nhau về mọi lĩnh vực trong cuộc sống, bất đồng quan điểm nên hay xảy ra va

chạm cãi nhau, đánh nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 6/2018, vợ chồng tiếp tục xảy ra va chạm nên đã ly thân từ đó đến nay, không quan hệ tình cảm vợ chồng, không có trách nhiệm với nhau. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị A yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thạch T, sinh ngày 07/9/1989 và cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 28/7/1996. Hiện các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu giải quyết

Anh Nguyễn Trường T trình bày:

Anh T xác nhận lời trình bày của chị A về thời điểm chung sống, diễn biến quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng như chị A trình bày. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nên thường xuyên va chạm cãi nhau, đánh nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng ly thân, không quan tâm đến nhau. Anh T xác định tình cảm với chị A không còn nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị A.

Về con chung: Anh T xác định có 02 con chung như chị A trình bày. Con chung đã thành niên nên anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định anh và chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết: Áp dụng Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Đề nghị tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Trường T.

2. Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Chị Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường T. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu khởi kiện thuộc những trường hợp tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là “ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền:

Anh Nguyễn Trường T, địa chỉ cư trú tại tổ 13A, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai là người bị nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Từ kết quả xác minh trên thực tế, chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Trường T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Điều này được anh T, chị A xác nhận nên đủ cơ sở cho rằng anh chị mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị A là có cơ sở. Tuy nhiên việc chị A, anh T không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình nên căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 không công nhận anh chị là vợ chồng.

[5] Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

[7] Về án phí: Chị A phải nộp theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 9, 14, 16, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật

hôn nhân và gia đình năm 2000). Các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Trường T là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0008125 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKS cùng cấp;
- THADS TP.LK;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hải